

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN NHÀ Ở ĐẾN CẢM NHẬN HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM

Lê Thị Thu

Hồ Ngọc Minh Anh

Vũ Trần Vân Chi

...

Tóm tắt: Quá trình già hóa dân số tại Việt Nam diễn ra nhanh chóng, đặt ra thách thức lớn cho cuộc sống của người cao tuổi. Nhà ở không chỉ là nơi cư trú mà còn ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của họ. Nghiên cứu này phân tích mối quan hệ giữa điều kiện nhà ở và cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi Việt Nam. Áp dụng mô hình hồi quy logit thứ bậc, nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố về điều kiện nhà ở đến cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi. Kết quả cho thấy, điều kiện nhà ở chất lượng tốt, cơ sở hạ tầng an toàn, tiếp cận nước sạch và điện đầy đủ, không gian sống rộng rãi có ảnh hưởng tích cực đến mức độ hạnh phúc. Ngược lại, điều kiện nhà ở kém, vệ sinh không đảm bảo và bất ổn về quyền sở hữu có thể làm căng thẳng tâm lý và giảm mức độ hạnh phúc. Từ đó, nghiên cứu đề xuất chính sách nhằm cải thiện điều kiện nhà ở, nâng cao cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số tại Việt Nam.

Từ khóa: Cảm nhận hạnh phúc; Điều kiện nhà ở; Người cao tuổi.

Giới thiệu

Quá trình già hóa dân số diễn ra trong bối cảnh mức sống chưa cao và hệ thống an sinh còn hạn chế tạo ra nhiều thách thức về nhà ở, yếu tố thiết yếu đối với sức khỏe và chất lượng sống của người cao tuổi (WHO, 2023). Nhà ở không chỉ là nơi trú ngụ mà còn là không gian sinh hoạt chính của người cao tuổi, với 80–90% thời gian trong ngày của họ dành cho nhà (Baker & cộng sự, 2007). Các yếu tố như thiết kế, an toàn, vệ sinh, chiếu sáng, thông gió và tiếp cận dịch vụ ảnh hưởng lớn đến sức khỏe thể chất và tinh thần của người cao tuổi (Evans & cộng sự, 2003). Tại Việt Nam, khoảng 29,7% người cao tuổi sống trong nhà ở tạm bợ, xuống cấp, đặc biệt ở nông thôn, nơi thiếu các điều kiện cơ bản như nhà vệ sinh hợp vệ sinh,

ánh sáng, hay không gian riêng tư (Tổng cục Thống kê, 2023). Những hạn chế này gia tăng cảm giác cô lập và làm suy giảm cảm nhận hạnh phúc (United Nations, 2001).

WHO (2018) khuyến nghị phát triển mô hình nhà ở thích ứng với nhu cầu của người cao tuổi như thiết kế không gian mở, chiếu sáng đầy đủ, nhà vệ sinh an toàn, và kết nối cộng đồng. Đây là hướng đi phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Hải Châu (2023) và Hà Thị Đoàn Trang (2021) đều cho rằng, nhà ở phù hợp giúp giảm chi phí y tế và là giải pháp ổn định xã hội dài hạn. Cuối cùng, WHO (2023) nhấn mạnh rằng, cảm nhận hạnh phúc là chỉ số quan trọng phản ánh chất lượng sống của người cao tuổi, bao gồm cả sức khỏe thể chất, cảm xúc, và sự hài lòng với cuộc sống. Nhà ở - với vai trò là

không gian sống trung tâm - có thể ảnh hưởng mạnh mẽ đến cảm nhận hạnh phúc.

Trong bối cảnh già hóa dân số và điều kiện sống còn nhiều bất cập, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa điều kiện nhà ở và cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi tại Việt Nam là hết sức cần thiết. Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu Khảo sát quốc gia về người cao tuổi Việt Nam năm 2022 (VNAS 2022), nhằm xác định và đánh giá mối liên hệ giữa điều kiện nhà ở và mức độ cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi. Đồng thời, nghiên cứu hướng tới việc lấp đầy khoảng trống về lý luận và thực tiễn, qua đó đóng góp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách nhà ở phù hợp với quá trình già hóa dân số, góp phần thúc đẩy phát triển xã hội bền vững và nhân văn hơn.

1. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

1.1. Tổng quan nghiên cứu

Mối quan hệ giữa điều kiện nhà ở và cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi đã được nhiều nghiên cứu chứng minh. Điều kiện nhà ở không đảm bảo có thể làm gia tăng căng thẳng tâm lý, trầm cảm và giảm mức độ cảm nhận hạnh phúc với cuộc sống của người cao tuổi. Barnes & cộng sự (2012) tại Anh chỉ ra rằng người cao tuổi sống trong không gian rộng rãi, có đủ ánh sáng tự nhiên và hệ thống sưởi ấm tốt có mức độ hạnh phúc cao hơn. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Alvarez & Ramos-Palencia (2024) tại châu Âu và Nguyễn & Trần (2018) tại Việt Nam khi cả hai đều nhấn mạnh rằng nhà ở chật chội, xuống cấp và thiếu thông gió có thể làm gia tăng nguy cơ căng thẳng tâm lý và trầm cảm. Bên cạnh đó, thiết kế nhà ở phù hợp cũng góp phần cải thiện cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi. Shepley & cộng sự (2019) tại Mỹ và Wang & cộng sự (2021) tại Trung Quốc đều nhận thấy rằng các biện pháp cải tạo như hành lang rộng, tay vịn

trong phòng tắm, sàn chống trơn trượt và chiếu sáng tốt giúp nâng cao mức độ cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi. Nghiên cứu của Lê & cộng sự (2020) tại TP. Hồ Chí Minh cũng cho thấy rằng những người cao tuổi sống trong không gian thoáng đãng, có ánh sáng đầy đủ và bố trí nội thất hợp lý cảm thấy an toàn và thoải mái hơn trong sinh hoạt hàng ngày. Bên cạnh đó, hệ thống điện, nước, giao thông và xử lý chất thải cũng có tác động trực tiếp đến mức độ cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi (Preiser, 1989 và Adriaanse, 2007).

Mặc dù mối quan hệ giữa điều kiện nhà ở và cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi ngày càng nhận được sự quan tâm, nhưng vẫn tồn tại nhiều khoảng trống nghiên cứu. Tại Việt Nam phần lớn các nghiên cứu dựa trên dữ liệu cũ như VNAS 2011 nên chưa phản ánh sự thay đổi của thị trường nhà ở và điều kiện sống hiện nay. Cùng với đó, sau đại dịch COVID-19, nhiều chính sách nhà ở đã điều chỉnh nhưng chưa có nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của những thay đổi này đến hạnh phúc của người cao tuổi. Do đó, việc nghiên cứu sâu hơn sẽ giúp cung cấp cơ sở khoa học cho chính sách nhà ở bền vững, phù hợp với bối cảnh già hóa dân số tại Việt Nam.

1.2. Cơ sở lý thuyết

Người cao tuổi

Về khái niệm “người cao tuổi”, Liên Hợp Quốc định nghĩa người cao tuổi là người từ 60 tuổi trở lên. Hầu hết các nước phát triển trên thế giới đều chấp nhận độ tuổi theo niên đại từ 65 tuổi trở lên là “người cao tuổi”. Tuy nhiên, quy định cụ thể ở mỗi nước có sự khác biệt về lứa tuổi có các biểu hiện về già của người dân. Đối với các nước có hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe tốt, tuổi thọ và sức khỏe của người dân có xu hướng được nâng cao. Do đó, các biểu hiện của tuổi già thường đến muộn hơn.

Vì vậy, quy định về tuổi của các nước đó cũng khác nhau.

Theo quy định tại Việt Nam, Luật Người cao tuổi do Quốc hội (2009) ban hành (thay thế Pháp lệnh Người cao tuổi số 23/2000/PL-UBTVQH10) quy định: người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên.

Trong nghiên cứu này, với dữ liệu được sử dụng như sẽ được mô tả ở dưới, người cao tuổi được hiểu là những người từ 60 tuổi trở lên như khái niệm của Liên hợp quốc.

Điều kiện nhà ở

Không giống các thuật ngữ có nghĩa rộng hơn như "nhà ở" hay "chất lượng nhà ở", "điều kiện nhà ở" là một khái niệm cụ thể hơn, tập trung vào các đặc điểm vật lý của nhà ở, vốn là mối quan tâm của xã hội đối với điều kiện sống "đủ tiêu chuẩn" hoặc "đáng sống" (Mandic & Cirman, 2012). Mandic & Cirman (2012) đã nhấn mạnh những đặc điểm đa dạng của nhà ở có thể bao gồm từ các yếu tố vật lý của nơi ở (kích thước, tiện nghi) đến nhiều khía cạnh khác như quyền sở hữu và chức năng đầu tư của nhà ở. Hơn nữa, tầm quan trọng của vị trí địa lý và đặc điểm khu vực lân cận thường được nhấn mạnh (Forrest & Kearns, 2001; Filipović, 2008). Các yếu tố như kích thước nhà ở, chất lượng, khu dân cư, vị trí và cơ cấu hộ gia đình đều rất quan trọng trong bất kỳ phân tích nào về nhà ở (Rowley & Ong, 2012).

Như vậy, điều kiện nhà ở là tổng hợp các đặc điểm vật lý và môi trường sống của một ngôi nhà, phản ánh mức độ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cơ bản của con người. Nó bao gồm tình trạng cơ sở hạ tầng, không gian sống, tiện nghi, môi trường xung quanh, mức độ an toàn, quyền sở hữu.

Cảm nhận hạnh phúc

Diener (2009), một trong những học giả hàng đầu trong nghiên cứu về cảm nhận hạnh phúc, định nghĩa cảm nhận hạnh phúc là "cảm giác và suy nghĩ của một người rằng cuộc sống của họ là đáng mong muốn, bất kể cách người khác nhìn nhận". Định nghĩa này nhấn mạnh hai khía cạnh cảm giác và suy nghĩ của cảm nhận hạnh phúc: Cảm giác đề cập đến khía cạnh cảm xúc/ảnh hưởng của cảm nhận hạnh phúc, trong đó sự chiếm ưu thế của cảm xúc tích cực so với cảm xúc tiêu cực dẫn đến cảm nhận hạnh phúc cao hơn. Suy nghĩ đề cập đến khía cạnh đánh giá/nhận thức của cảm nhận hạnh phúc, trong đó việc đánh giá cuộc sống của cá nhân theo hướng tích cực chủ yếu dẫn đến cảm nhận hạnh phúc cao hơn.

Trong nghiên cứu này, cảm nhận hạnh phúc là cách một cá nhân cảm nhận và đánh giá cuộc sống của họ, bao gồm cả khía cạnh cảm xúc và nhận thức. Khía cạnh cảm xúc thể hiện qua sự chiếm ưu thế của cảm xúc tích cực so với tiêu cực, trong khi khía cạnh nhận thức liên quan đến sự hài lòng với cuộc sống.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ Khảo sát quốc gia về người cao tuổi Việt Nam năm 2022 (VNAS 2022) – một bộ dữ liệu có quy mô toàn quốc và được thiết kế với tính đại diện cao, do Tổng cục Thống kê phối hợp với các tổ chức quốc tế thực hiện. Đây là một trong những bộ dữ liệu lớn, đầy đủ và đáng tin cậy nhất hiện nay về tình trạng dân số cao tuổi tại Việt Nam.

Dữ liệu khảo sát được thu thập từ hơn 3.000 người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên. Bộ dữ liệu bao gồm nhiều nhóm thông tin quan trọng như điều kiện nhà ở (loại hình nhà ở, vật liệu xây dựng mái và tường, nguồn nước sinh hoạt, loại hồ xí, nguồn điện, loại nhiên liệu nấu ăn, điện tích ở, hình thức sở hữu, thời gian sử

dụng nhà...); các chỉ số đánh giá cảm nhận chủ quan (như mức độ hài lòng về các dịch vụ y tế, an sinh xã hội và các cảm xúc về trầm cảm, cô đơn...) và các đặc điểm nhân khẩu – xã hội (như tuổi, giới tính, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn, dân tộc, tôn giáo, khu vực cư trú, nghề nghiệp, thu nhập, mức độ tham gia hoạt động xã hội...).

2.2. Các biến số của mô hình

Biến phụ thuộc

Biến mức độ hài lòng về cuộc sống được đo lường bằng tổng điểm của mức độ hài lòng về sự giúp đỡ khi bị ốm đau/chấn thương, điều trị nội trú, điều trị ngoại trú, mức hưởng bảo hiểm xã hội và trợ giúp xã hội. Sau đó, tổng điểm sẽ được quy về năm phương án “Rất không hài lòng”, “Không hài lòng”, “Bình thường (Trung lập)”, “Hài lòng”, và “Rất hài lòng”. Trong nghiên cứu này, mức độ hài lòng với cuộc sống được mã hóa thành các giá trị từ 1 đến 5, tương ứng với các mức độ từ “Rất không hài lòng” đến “Rất hài lòng”.

Biến tần suất cảm xúc tích cực được đo lường bằng tổng điểm của tần suất cảm thấy trầm cảm và cô đơn. Sau đó tổng điểm sẽ được quy về năm phương án “Rất hiếm khi hoặc không bao giờ”, “Hiếm khi”, “Đôi khi”, “Thường xuyên” và “Rất thường xuyên hoặc luôn luôn”. Trong nghiên cứu này, tần suất cảm xúc tích cực được mã hóa thành các giá trị từ 1 đến 5, tương ứng với các mức độ từ “Rất hiếm khi hoặc không bao giờ” đến “Rất thường xuyên hoặc luôn luôn”.

Biến độc lập

Vật liệu làm mái: Trong mô hình, đây là biến nhị phân với giá trị 1 nếu mái nhà được làm từ vật liệu bền chắc (bê tông cốt thép, ngói) và 0 nếu làm từ vật liệu tạm (tấm lợp, lá/rom rạ/giấy dầu, vật liệu khác). Vật liệu tạm được sử dụng làm nhóm tham chiếu. Hệ số ước lượng của biến này được kỳ vọng là

dương vì mái nhà kiên cố có thể nâng cao sự hài lòng và cảm xúc tích cực.

Vật liệu làm tường: Đây là biến nhị phân với giá trị 1 nếu tường làm từ vật liệu bền chắc (bê tông cốt thép, gạch/đá, gỗ/kim loại) và 0 nếu làm từ vật liệu tạm (đất vôi/rom, phiến/liếp/ván ép, vật liệu khác). Vật liệu tạm được sử dụng làm nhóm tham chiếu. Hệ số ước lượng được kỳ vọng là dương vì tường kiên cố có thể cải thiện sự an toàn và tiện nghi của người cao tuổi.

Nguồn nước sinh hoạt: Trong mô hình, đây là biến nhị phân với giá trị 1 nếu hộ gia đình sử dụng nước máy và 0 nếu sử dụng các nguồn khác. Nguồn nước khác được sử dụng làm nhóm tham chiếu. Hệ số ước lượng của biến này được kỳ vọng là dương vì nước máy có chất lượng tốt hơn, giúp nâng cao cảm nhận hạnh phúc.

Loại hồ xí: Trong mô hình, đây là biến nhị phân với giá trị 1 nếu hộ gia đình có hồ xí tự hoại và 0 nếu sử dụng các loại khác. Loại khác được sử dụng làm nhóm tham chiếu. Hệ số ước lượng được kỳ vọng là dương vì hồ xí tự hoại đảm bảo vệ sinh tốt hơn, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống.

Nguồn điện thắp sáng: Trong mô hình, đây là biến nhị phân với giá trị 1 nếu sử dụng điện lưới quốc gia và 0 nếu sử dụng các nguồn khác. Nguồn khác được sử dụng làm nhóm tham chiếu. Hệ số ước lượng được kỳ vọng là dương vì điện lưới giúp sinh hoạt thuận tiện hơn, nâng cao sự hài lòng.

Nguồn nhiên liệu nấu ăn: Trong mô hình, đây là biến nhị phân với giá trị 1 nếu hộ gia đình sử dụng điện và 0 nếu sử dụng các nguồn khác (than, củi, gas, v.v.). Nguồn khác được sử dụng làm nhóm tham chiếu. Hệ số ước lượng được kỳ vọng là dương vì sử dụng điện giúp nấu ăn an toàn hơn và tiện lợi hơn.

Diện tích nhà ở: Trong mô hình, đây là biến liên tục có đơn vị là m^2 . Hệ số ước lượng

được kỳ vọng là dương vì diện tích lớn hơn có thể tạo ra không gian sống thoải mái hơn.

Loại nhà: Đây là biến nhị phân với giá trị 1 nếu hộ gia đình sống trong biệt thự hoặc nhà kiên cố khép kín, và 0 nếu sống trong các loại nhà khác. Loại nhà khác được sử dụng làm nhóm tham chiếu. Hệ số ước lượng được kỳ vọng là dương vì nhà kiên cố giúp cải thiện điều kiện sống.

Hình thức sở hữu: Đây là biến nhị phân với giá trị 1 nếu hộ gia đình sở hữu nhà riêng và 0 nếu sống trong các hình thức khác. Hình thức khác được sử dụng làm nhóm tham chiếu. Hệ số ước lượng được kỳ vọng là dương vì sở hữu nhà giúp tăng cảm giác ổn định và an toàn.

Quy mô hộ: Trong mô hình, đây là biến liên tục, đơn vị thường được tính bằng số người trong hộ gia đình. Hệ số ước lượng có thể âm vì quy mô hộ lớn có thể làm giảm không gian sống và tài nguyên chia sẻ trên mỗi cá nhân, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến cảm nhận hạnh phúc.

Thời gian sử dụng: Trong mô hình, đây là biến liên tục, đơn vị thường được tính bằng số năm sử dụng ngôi nhà. Hệ số ước lượng được kỳ vọng là âm vì thời gian sử dụng lâu có thể gắn liền với sự xuống cấp của nhà ở, làm giảm cảm nhận hạnh phúc.

2.3. Phân tích thống kê và mô hình kinh tế lượng

Mô hình hồi quy về ảnh hưởng của điều kiện nhà ở đến cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi

Các phương pháp phân tích thường được sử dụng như hồi quy tuyến tính không được áp dụng vì biến phụ thuộc trong nghiên cứu không phải là biến liên tục mà là biến phân loại. Ngoài ra, bài viết cũng không thể sử dụng hồi quy logistic thông thường do biến phụ

thuộc là biến thứ bậc. Chính vì lý do này, nhóm tác giả lựa chọn mô hình logit thứ bậc.

Mô hình hồi quy logit thứ bậc (Ordered Logit model)

Xét mô hình hồi quy có biến phụ thuộc Y với thang đo thứ bậc, biến này được phân loại có thứ tự từ $j = 1, 2, 3, \dots, J$ và X là vectơ p chiều của biến độc lập. Giả sử $\pi_j = Pr(Y = j)$ là kết quả xác suất của phân loại j . Do đó hàm xác suất tích lũy của Y có thể được biểu diễn như sau:

$$Pr(Y \leq j) = \pi_1 + \pi_2 + \dots + \pi_j, j = 1, 2, \dots, J \quad (2)$$

Lấy logarit của hàm xác suất tích lũy (gọi là logit)

$$\log_{it}[Pr(Y \leq j)] = \log[Pr(Y \leq j) \div (1 - Pr(Y \leq j))] = \alpha_j + \beta X, j = 1, 2, \dots, J - 1 \quad (3)$$

Trong đó: α_j là hệ số chặn (hay còn gọi là điểm cắt) thỏa điều kiện $\alpha_1 \leq \alpha_2 \leq \dots \leq \alpha_{J-1}$ và β là véc tơ hệ số của biến độc lập, hệ số này mô tả tác động của biến độc lập đến tỷ số khả dĩ của phân loại j hoặc phân loại nhỏ hơn j . Theo Long & Freese (2006), hệ số trong phương trình (3) sẽ không nhất quán nếu sử dụng ước lượng bằng phương pháp OLS (Ordinary least squares) mà phải được thay thế bằng ước lượng hợp lý cực đại (LM-maximum likelihood).

Xử lý và phân tích số liệu

Đối với các biến giả, một nhóm sẽ được chọn làm nhóm tham chiếu. Ví dụ, biến “Vật liệu làm mái” gồm hai nhóm nhỏ là “Vật liệu bền chắc” và “Vật liệu tạm” thì một nhóm sẽ là nhóm tham chiếu và nhóm còn lại sẽ là nhóm đối chứng. Hệ số ước lượng nhỏ hơn 0 và có ý nghĩa thống kê cho biết nhóm đối chứng ít có khả năng nâng cao cảm nhận hạnh phúc hơn so với nhóm tham chiếu và ngược lại.

Trước khi tiến hành các tính toán và ước lượng, nghiên cứu áp dụng một số kiểm định nhằm phát hiện vấn đề đa cộng tuyến giữa các biến độc lập nhằm giảm thiểu sai số trong các ước lượng, phản ánh đúng bản chất của dữ liệu và các kết quả được thể hiện chính xác hơn. Nghiên cứu dùng kiểm định hệ số phóng đại phương sai (Variance Inflation Factor – VIF) để kiểm tra liệu có tồn tại vấn đề đa cộng tuyến giữa các biến độc lập hay không. Những biến có giá trị VIF nhỏ hơn 10 được chấp nhận làm biến giải thích trong mô hình.

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu khảo sát với cỡ mẫu lớn và đại diện nên các bước phân tích dữ liệu đều sử dụng trọng số để đảm bảo kết quả mang tính đại diện cho toàn bộ người cao tuổi Việt Nam.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Điều kiện nhà ở và cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi

Nhà ở không chỉ là nơi cư trú mà còn ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi. Dữ liệu cho thấy, phần lớn người cao tuổi hài lòng với cuộc sống (38,89% hài lòng, 35,60% rất hài lòng), nhưng vẫn có một bộ phận cảm thấy chưa hài lòng (18,06% trung bình, 7,44% không hài lòng). Về tần suất cảm

xúc tích cực, 77,54% người cao tuổi thường xuyên hoặc rất thường xuyên có cảm xúc tích cực, trong khi chỉ 12,25% hiếm khi hoặc không bao giờ có những trải nghiệm này.

Điều kiện nhà ở là một trong những yếu tố quan trọng có thể ảnh hưởng đến mức độ cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi. Chất lượng nhà ở thể hiện qua vật liệu xây dựng, hệ thống nước sinh hoạt và các tiện nghi khác cũng là yếu tố quan trọng. Đa số người cao tuổi sinh sống trong nhà có mái và tường bền chắc (60,76% và 91,23%). Về nguồn nước sinh hoạt, 51,24% người cao tuổi sử dụng nước máy, trong khi 48,76% sử dụng các nguồn nước khác. Hệ thống vệ sinh khá đảm bảo với 88,22% hộ gia đình có nhà vệ sinh tự hoại, tuy nhiên vẫn còn 11,78% sử dụng các loại hình khác. Việc tiếp cận nguồn năng lượng hiện đại cũng là một yếu tố quan trọng, với 99,87% người cao tuổi sử dụng điện làm nguồn chiếu sáng chính. Về loại nhà ở, phần lớn người cao tuổi sinh sống trong biệt thự hoặc nhà kiên cố khép kín (71,07%), trong khi 28,93% sống trong các loại nhà khác. Tuy nhiên, tỷ lệ sở hữu nhà riêng chỉ chiếm 17,94%, trong khi 82,06% sống trong nhà thuộc sở hữu của người khác hoặc theo hình thức khác.

BẢNG 1. ĐẶC ĐIỂM MẪU (%)

| Biến số | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------------------|-----------|
| Biến phụ thuộc | |
| <i>Mức độ hài lòng về cuộc sống</i> | |
| Rất không hài lòng | 1,41 |
| Không hài lòng | 6,03 |
| Bình thường | 18,06 |
| Hài lòng | 38,89 |
| Rất hài lòng | 35,60 |
| <i>Tần suất cảm xúc tích cực</i> | |
| Rất hiếm khi hoặc không bao giờ | 3,42 |
| Hiếm khi | 8,83 |
| Đôi khi | 10,21 |
| Thường xuyên | 23,75 |

| | |
|-----------------------------------|-------|
| Rất thường xuyên hoặc luôn luôn | 53,79 |
| Biến độc lập | |
| <i>Vật liệu làm mái</i> | |
| Vật liệu bền chắc | 60,76 |
| Vật liệu tạm | 39,24 |
| <i>Vật liệu làm tường</i> | |
| Vật liệu bền chắc | 91,23 |
| Vật liệu tạm | 8,77 |
| <i>Nguồn nước sinh hoạt</i> | |
| Nước máy | 51,24 |
| Khác | 48,76 |
| <i>Loại hố xí</i> | |
| Tự hoại | 88,22 |
| Khác | 11,78 |
| <i>Nguồn nhiên liệu thắp sáng</i> | |
| Điện lưới | 99,87 |
| Khác | 0,13 |
| <i>Nguồn nhiên liệu nấu ăn</i> | |
| Điện | 6,75 |
| Khác | 93,25 |
| <i>Loại nhà</i> | |
| Biệt thự & nhà kiên cố khép kín | 71,07 |
| Khác | 28,93 |
| <i>Hình thức sở hữu</i> | |
| Nhà riêng của hộ | 17,94 |
| Khác | 82,06 |

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ dữ liệu VNAS 2022.

3.2. Ảnh hưởng của điều kiện nhà ở đến cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi

Trước khi tiến hành mô hình hồi quy về ảnh hưởng của điều kiện nhà ở đến cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi, nhóm tác giả tiến hành sử dụng kiểm định hệ số phóng đại phương sai VIF (Variance Inflation Factor) để

kiểm tra vấn đề đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Kết quả kiểm định cho thấy, tất cả các biến độc lập đều có VIF dưới 10, chứng tỏ không tồn tại vấn đề đa cộng tuyến, từ đó khẳng định tính phù hợp của chúng làm biến giải thích.

BẢNG 2. KẾT QUẢ HỒI QUY LOGIT THỨ BẬC ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN NHÀ Ở ĐẾN CẢM NHẬN HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI CAO TUỔI

| Biến số | (1) Mức độ hài lòng về cuộc sống | (2) Tần suất cảm xúc tích cực |
|---------------------------|--|-------------------------------------|
| Điều kiện nhà ở | | |
| <i>Vật liệu làm mái</i> | | |
| Vật liệu tạm (tham chiếu) | | |

| | | |
|---------------------------------|-----------|-----------|
| Vật liệu bền chắc | 0,418*** | 0,253** |
| <i>Vật liệu làm tường</i> | | |
| Vật liệu tạm (tham chiếu) | | |
| Vật liệu bền chắc | 0,427*** | 0,289* |
| <i>Nguồn nước sinh hoạt</i> | | |
| Khác (tham chiếu) | | |
| Nước máy | -0,054 | 0,200* |
| <i>Loại hố xí</i> | | |
| Khác (tham chiếu) | | |
| Tự hoại | -0,130 | 0,171 |
| <i>Nguồn điện thấp sáng</i> | | |
| Khác (tham chiếu) | | |
| Điện lưới | 2,123* | 0,993 |
| <i>Nguồn nhiên liệu nấu ăn</i> | | |
| Khác (tham chiếu) | | |
| Điện | 0,211 | -0,273 |
| <i>Diện tích nhà ở</i> | 0,002* | 0,002** |
| <i>Loại nhà</i> | | |
| Khác (tham chiếu) | | |
| Biệt thự & nhà kiên cố khép kín | 0,362*** | 0,625*** |
| <i>Hình thức sở hữu</i> | | |
| Khác (tham chiếu) | | |
| Nhà riêng của hộ | -0,054 | -0,007 |
| <i>Thời gian sử dụng</i> | 0,005 | 0,005 |
| Đặc điểm cá nhân | | |
| <i>Giới tính</i> | | |
| Nam (tham chiếu) | | |
| Nữ | 0,147 | -0,171 |
| <i>Nhóm tuổi</i> | | |
| 60-69 (tham chiếu) | | |
| 70-79 | -0,208* | 0,072 |
| 80+ | -0,600*** | -0,131 |
| <i>Dân tộc</i> | | |
| Khác (tham chiếu) | | |
| Kinh | -0,112 | -0,170 |
| <i>Tôn giáo</i> | | |
| Không (tham chiếu) | | |
| Có theo tôn giáo | -0,017 | -0,084 |
| <i>Tình trạng hôn nhân</i> | | |
| Khác (tham chiếu) | | |
| Góa | -0,286** | -0,444*** |

| | | |
|--|----------|----------|
| <i>Bằng cấp</i> | | |
| THCS hoặc thấp hơn (tham chiếu) | | |
| THCS trở lên | -0,257 | -0,278 |
| <i>Khu vực</i> | | |
| Thành thị (tham chiếu) | | |
| Nông thôn | 0,100 | -0,026 |
| <i>Sắp xếp cuộc sống</i> | | |
| Khác (tham chiếu) | | |
| Sống với con cháu | -0,067 | 0,056 |
| <i>Quy mô hộ</i> | 0,028 | 0,025 |
| <i>Công việc</i> | | |
| Không (tham chiếu) | | |
| Có | 0,123 | -0,251 |
| <i>Tần suất tham gia hoạt động xã hội</i> | | |
| Không bao giờ (tham chiếu) | | |
| Hiếm khi | -0,077 | 0,503*** |
| Một vài lần trong năm | 0,050 | 0,641*** |
| Hàng tháng | 0,094 | 0,748*** |
| Hàng tuần | -0,146 | 0,898*** |
| Hàng ngày | -0,365 | 0,181 |
| <i>Sức khỏe tự đánh giá</i> | | |
| Yếu (tham chiếu) | | |
| Bình thường | 0,691*** | 0,853*** |
| Tốt | 0,948*** | 1,481*** |
| <i>Thu nhập</i> | | |
| Thu nhập thấp & không có thu nhập (tham chiếu) | | |
| Thu nhập trung bình | 0,211* | 0,225** |
| Thu nhập cao | 0,326** | 0,077 |

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ dữ liệu VNAS 2022.

Nhà ở không chỉ là nơi trú ngụ mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hình chất lượng sống và cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi. Kết quả nghiên cứu cho thấy điều kiện nhà ở, bao gồm chất lượng vật liệu xây dựng, nguồn nước sinh hoạt, hệ thống vệ sinh, loại nhà và diện tích nhà ở, có ảnh hưởng đáng kể đến cảm nhận hạnh phúc của người

cao tuổi. Cụ thể, ảnh hưởng của từng yếu tố được phân tích như sau:

Chất lượng vật liệu xây dựng có ảnh hưởng đáng kể đến cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi. Cụ thể, những người sống trong nhà có mái bền chắc (bê tông cốt thép, ngói) có hệ số hồi quy 0,418 ($p < 0,01$) đối với mức độ hài lòng về cuộc sống và 0,253 ($p < 0,05$) đối với tần suất cảm xúc tích cực. Tương tự, những

người sống trong nhà có tường bền chắc có hệ số hồi quy lần lượt là 0,427 ($p < 0,01$) và 0,289 ($p < 0,1$). Những người cao tuổi sống trong nhà kiên cố thường cảm thấy an toàn hơn, ít lo lắng về tình trạng xuống cấp của nhà cửa, đặc biệt trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Diaz-Serrano (2006), Olufemi (2018) và Bhan & cộng sự (2014), khi các tác giả này đều khẳng định rằng những ngôi nhà có kết cấu bền vững giúp giảm lo âu, tạo cảm giác an toàn và tăng cường mức độ hài lòng về cuộc sống của người cao tuổi. Nghiên cứu của Newbill (2007) cũng nhấn mạnh vai trò của thiết kế nhà phù hợp với người cao tuổi, đặc biệt là khả năng cách âm, cách nhiệt để đảm bảo chất lượng giấc ngủ và hạn chế các vấn đề sức khỏe liên quan đến hô hấp.

Nguồn nước sinh hoạt cũng có ảnh hưởng đáng kể đến cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi, nhưng mức độ ảnh hưởng không đồng nhất. Kết quả nghiên cứu định lượng chỉ ra rằng hệ số hồi quy của nguồn nước máy đối với mức độ hài lòng về cuộc sống là -0,054 (không có ý nghĩa thống kê), nhưng có ý nghĩa dương (0,200) đối với tần suất cảm xúc tích cực. Điều này cho thấy rằng việc tiếp cận nước sạch không ảnh hưởng đáng kể đến mức độ hài lòng tổng thể nhưng có thể giúp cải thiện cảm xúc tích cực hàng ngày. Người cao tuổi có nước sinh hoạt ổn định ít gặp bất tiện trong đời sống hàng ngày, giúp họ duy trì tinh thần lạc quan hơn. Nghiên cứu này đồng nhất với kết quả của Kasanen (2004) và Gu & Ming (2021), trong đó khẳng định rằng việc tiếp cận hệ thống cấp nước ổn định và nhà vệ sinh sạch sẽ giúp người cao tuổi giảm lo lắng về sức khỏe, từ đó có tâm lý tích cực hơn. Heller & cộng sự (2020) cũng cho rằng các hộ gia đình tại Brazil có hệ thống xử lý nước thải tốt có mức độ hài lòng về môi trường sống cao hơn đáng kể.

Một yếu tố quan trọng khác là nguồn điện thấp sáng. Những người cao tuổi sử dụng điện lưới có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn đáng kể (2,123), cho thấy sự ổn định của hệ thống điện có vai trò thiết yếu trong việc đảm bảo chất lượng cuộc sống. Ngược lại, nguồn nhiên liệu nấu ăn không có ảnh hưởng lớn, khi sử dụng bếp điện không làm tăng mức độ hài lòng với cuộc sống (0,211) mà thậm chí còn ảnh hưởng tiêu cực nhẹ đến cảm xúc hàng ngày (-0,273), có thể do thói quen sử dụng bếp gas hoặc bếp than của nhiều người cao tuổi.

Hệ thống vệ sinh là một yếu tố thiết yếu trong nhà ở, ảnh hưởng trực tiếp đến sự thuận tiện và sức khỏe của người cao tuổi. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng sử dụng hố xí tự hoại không có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ hài lòng với cuộc sống (-0,130) nhưng lại có ảnh hưởng dương đến tần suất cảm xúc tích cực (0,171). Điều này có thể do mức độ tiếp cận với hố xí tự hoại đã khá cao trong các khu vực thành thị, khiến yếu tố này không còn tạo ra sự khác biệt lớn về mức độ hài lòng chung.

Loại hình nhà ở là một trong những yếu tố quan trọng quyết định cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi. Kết quả nghiên cứu cho thấy những người cao tuổi sống trong biệt thự hoặc nhà kiên cố khép kín có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn đáng kể (0,362, $p < 0,01$) và tần suất cảm xúc tích cực cao hơn (0,625, $p < 0,01$). Điều này cho thấy rằng những ngôi nhà rộng rãi, có thiết kế bền vững và đầy đủ tiện nghi mang lại cảm giác thoải mái, an toàn, đồng thời giúp người cao tuổi tận hưởng cuộc sống tốt hơn.

Bên cạnh loại hình nhà, diện tích nhà ở cũng có ảnh hưởng đáng kể đến cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi. Kết quả nghiên cứu cho thấy diện tích nhà có ảnh hưởng nhỏ nhưng có ý nghĩa thống kê đến mức độ hài lòng với cuộc sống (0,002, $p < 0,1$) và tần suất cảm xúc tích cực (0,002, $p < 0,05$). Điều này

cho thấy rằng không gian rộng rãi giúp người cao tuổi cảm thấy thoải mái hơn, giảm bớt cảm giác tù túng, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống. Kết quả này hoàn toàn đồng nhất với nghiên cứu của Sabde (2022), trong đó nhấn mạnh rằng không gian nhà ở rộng rãi giúp người cao tuổi cảm thấy thoải mái, có sự riêng tư và giảm bớt căng thẳng.

Một điểm đáng chú ý trong nghiên cứu là hình thức sở hữu nhà không có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ hài lòng với cuộc sống (-0,054) và tần suất cảm xúc tích cực (-0,007). Điều này cho thấy rằng việc sở hữu nhà riêng không đồng nghĩa với việc người cao tuổi cảm thấy hạnh phúc hơn. Một số người cao tuổi dù có nhà riêng nhưng nếu chất lượng nhà ở xuống cấp hoặc không phù hợp với nhu cầu tuổi già, họ vẫn có thể cảm thấy không hài lòng. Tương tự, nghiên cứu của Chen & Hu (2024) tại Trung Quốc đã phân tích ảnh hưởng của tài sản nhà ở đối với sức khỏe tinh thần của người cao tuổi và nhận thấy rằng sở hữu nhà riêng không làm tăng đáng kể mức độ hài lòng với cuộc sống nếu như ngôi nhà không đáp ứng được nhu cầu sống của họ, chẳng hạn như không gian chật hẹp, thiếu tiện nghi hoặc không thuận lợi cho việc đi lại.

Thời gian sinh sống trong ngôi nhà không có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ hài lòng và cảm xúc tích cực của người cao tuổi (hệ số hồi quy 0,005). Điều này cho thấy rằng chất lượng nhà ở và sự phù hợp với nhu cầu quan trọng hơn thời gian sở hữu. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Wei & Chang (2025) tại Đài Loan. Các tác giả chỉ ra rằng mặc dù một số người đã sống trong cùng một ngôi nhà hàng chục năm, mức độ hài lòng của họ chủ yếu phụ thuộc vào việc ngôi nhà đó có còn đáp ứng được nhu cầu của họ hay không.

Kết luận và khuyến nghị

Dựa trên kết quả nghiên cứu, có thể thấy rằng điều kiện nhà ở có ảnh hưởng quan trọng đến cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi. Do đó, để nâng cao chất lượng sống của người cao tuổi, các chính sách và giải pháp cần tập trung vào việc cải thiện điều kiện nhà ở, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, tăng cường an toàn khu vực và cải thiện không gian sống.

Một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng sống của người cao tuổi là cải thiện chất lượng nhà ở bao gồm việc nâng cấp vật liệu xây dựng, đảm bảo điều kiện sinh hoạt ổn định. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhà có kết cấu bền vững giúp giảm lo lắng và tăng cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi, đặc biệt là khi họ được sống trong những ngôi nhà kiên cố, an toàn trước tác động của thời tiết và môi trường. Vì vậy cần có các chính sách hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp nhà ở cho người cao tuổi, đặc biệt là những người có thu nhập thấp hoặc sống trong điều kiện nhà ở xuống cấp. Các chương trình hỗ trợ có thể bao gồm việc cung cấp các khoản vay lãi suất thấp hoặc trợ cấp tài chính để sửa chữa nhà cửa, khuyến khích các mô hình nhà ở bền vững với chi phí hợp lý dành cho người cao tuổi, và mở rộng chính sách nhà ở xã hội để giúp người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận với những điều kiện sống tốt hơn.

Bên cạnh việc cải thiện cấu trúc nhà ở, điều kiện sinh hoạt trong nhà đặc biệt là nguồn nước và hệ thống vệ sinh, cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao cảm nhận hạnh phúc của người cao tuổi. Kết quả nghiên cứu cho thấy những người cao tuổi có nước sinh hoạt ổn định và sử dụng hố xí tự hoại có mức độ hài lòng cao hơn đáng kể so với những người sống trong điều kiện thiếu nước sạch hoặc vệ sinh kém. Vì vậy, cần đẩy mạnh việc mở rộng hệ thống cấp nước sạch đến các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa, nơi người cao tuổi vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp

cận nguồn nước an toàn. Đồng thời, cần xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo điều kiện vệ sinh đạt chuẩn, và hỗ trợ lắp đặt hoặc cải thiện hố xí tự hoại tại các hộ gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn. Những giải pháp này sẽ giúp cải thiện môi trường sống, đảm bảo sức khỏe cho người cao tuổi.

Bên cạnh việc nâng cấp cơ sở hạ tầng, chính sách cũng cần có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện sống của người cao tuổi để đáp ứng nhu cầu đa dạng của họ. Việc xây dựng nhà ở thân thiện với người cao tuổi là một giải

pháp quan trọng, giúp họ có không gian sống an toàn, tiện nghi và phù hợp với khả năng vận động hạn chế. Các thiết kế nhà ở cần bao gồm các tiện ích hỗ trợ như tay vịn, đường dốc, lối đi rộng rãi, hệ thống thang máy phù hợp và sàn chống trơn trượt để giảm nguy cơ té ngã. Ngoài ra, cần phát triển các khu dân cư có dịch vụ hỗ trợ dành riêng cho người cao tuổi, bao gồm các tiện ích như dịch vụ y tế, thực phẩm, vận chuyển phù hợp để giúp họ tiếp cận các dịch vụ cần thiết một cách thuận tiện hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Adriaanse, C. C. M. (2007). 'Measuring residential satisfaction: a residential environmental satisfaction scale (RESS)'. *Journal of housing and the built environment*, 22(3), 287-304.
2. Álvarez, B., & Ramos-Palencia, F. Living to Tell the Tale: Subjective Well-Being and Democratic Transition in Europe. Available at SSRN 5149497.
3. Baker, P. S., Bodner, E. V., & Allman, R. M. (2007). 'Measuring life-space mobility in community-dwelling older adults'. *Journal of the American Geriatrics Society*, 55(7), 1001-1006.
4. Barnes, S., Torrington, J., Darton, R., Holder, J., Lewis, A., McKEE, K. E. V. I. N., ... & Orrell, A. (2012). Does the design of extra-care housing meet the needs of the residents? A focus group study. *Ageing & Society*, 32(7), 1193-1214.
5. Diaz-Serrano, L. (2006). 'Housing satisfaction, homeownership and housing mobility: A panel data analysis for twelve EU countries', *Journal of Urban Economics*, 60(3), 519-534, <https://doi.org/10.1016/j.jue.2006.04.00>.
6. Diener, E. (2009). *The science of well-being: The collected works of Ed Diener*. Springer Science & Business Media, Berlin, Germany, <https://doi.org/10.1007/978-90-481-2350-6>.
7. Evans, G. W., Wells, N. M., & Moch, A. (2003). 'Housing and mental health: A review of the evidence and a methodological and conceptual critique', *Journal of Social Issues*, 59(3), 475-500, <https://doi.org/10.1111/1540-4560.00074>.
8. Filipović, M. (2008). 'Influences on the sense of neighborhood: Case of Slovenia'. *Urban affairs review*, 43 (5), 718-732, <https://doi.org/10.1177/1078087407309586>
9. Forrest, R., & Kearns, A. (2001). 'Social cohesion, social capital and the neighbourhood'. *Urban studies*, 38 (12), 2125-2143, <https://doi.org/10.1080/00420980120087081>.
10. Hà, T. Đ. T. (2021). *Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với chính sách tài chính*. Truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2024, từ https://mof.gov.vn/webcenter/portal/cd/pages_r/l/chi-tiet-tin-cong-doan?dDocName=MOFUCM203331.
11. Hải Châu. (2023). *Giải bài toán già hóa dân số*. Truy cập ngày 25 tháng 11 năm 2024, từ <https://nhandan.vn/giai-bai-toan-gia-hoa-dan-so-post785859.html>.
12. Lê, N. T., Nguyễn, H. P., & Trần, M. T. (2020). 'Điều kiện nhà ở và chất lượng sống của người cao tuổi tại Việt Nam'. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 36(2), 45-60.
13. Long, J. S., & Freese, J. (2006). *Regression models for categorical dependent variables using Stata* (Vol. 7). Stata press.

14. Lu, M. (1999). 'Determinants of residential satisfaction: Ordered logit vs. regression models'. *Growth and change*, 30 (2), 264-287, <https://doi.org/10.1111/0017-4815.00113>.
15. Mandic, S., & Cirman, A. (2012). 'Housing conditions and their structural determinants: Comparisons within the enlarged EU'. *Urban studies*, 49 (4), 777-793, <https://doi.org/10.1177/0042098011405688>.
16. Nguyễn, H. A., & Trần, T. K. (2018). 'Tác động của điều kiện nhà ở đến sức khỏe và hạnh phúc của người cao tuổi'. *Tạp chí Nghiên cứu Phát triển*, 24(1), 78-92.
17. Quốc hội (2009). *Luật số 39/2009/QH12 Luật Người cao tuổi*. Ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2009.
18. Quốc hội (2014). *Luật 2014 số 65/2014/QH13 Luật Nhà ở*. Ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2014.
19. Rowley, S., & Ong, R. (2012). 'Housing affordability, housing stress and household wellbeing in'. *Mental health*, 76 (69), 67.
20. Sixsmith, J., & Sixsmith, A. (2008). 'Ageing in place in the United Kingdom', *Ageing International*, 32(3), 219-235, <https://doi.org/10.1007/s12126-008-9019-y>.
21. Tổng cục Thống kê. (2023). *Niên giám thống kê 2022*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
22. UN-Habitat (2013). *Global Housing Strategy: Framework Document*. Kenya.
23. United Nations (n.d). *Older persons*. Truy cập ngày 8 tháng 11 năm 2024, từ <<https://emergency.unhcr.org/protection/persons-risk/older-persons#:~:text=An%20older%20person%20is%20defined,or%20age%2Drelated%20health%20conditions.>>>.
24. Wang, Z., & Shepley, M. (2021). 'The relationship of neighborhood walking behavior to duration of aging in place - A retrospective cohort study'. *International journal of environmental research and public health*, 19(24), 16428.
25. WHO (2018). *WHO Housing and health guidelines*. UK.
26. WHO (2023). *Mental health of older adults*. Truy cập ngày 9 tháng 11 năm 2024, từ <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/mental-health-of-older-adults>.

Thông tin tác giả:

1. Lê Thị Thu, Sinh viên

- Đơn vị học tập: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Địa chỉ email: lethithu71003@gmail.com

2. Hồ Ngọc Minh Anh, Sinh viên

- Đơn vị học tập: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

3. Vũ Trần Vân Chi, Sinh viên

- Đơn vị học tập: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

4. Tào Vân Anh, Sinh viên

- Đơn vị học tập: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận bài: 2/3/2025

Ngày nhận bản sửa: 15/4/2025

Ngày duyệt đăng: 27/5/2025